

Số: 60 /2020/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 16 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Bùi Viết N - Sinh năm: 1953. Trú tại: Số M Nguyễn Văn S, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng .

Bà Hoàng Thị X - Sinh năm: 1959. Trú tại: Số M Nguyễn Văn S, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X có đăng ký kết hôn vào năm 1977 tại UBND phường An Hải T, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Bùi Viết N trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Hoàng Thị X hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1977 tại UBND phường An Hải T, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là hai bên bất đồng về ngôn ngữ, mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Tôi và bà Hoàng Thị X xác định vợ chồng có 05 con chung : Bùi Thị P, sinh năm 1978, Bùi Thị Ph, sinh năm 1982, Bùi Viết Hoàng Hải Đ, sinh năm 1985, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1988, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1993. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Hoàng Thị X xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Hoàng Thị X xác định không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Hoàng Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Bùi Viết N hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1977 tại UBND phường An Hải T, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là hai bên bất đồng về ngôn ngữ, mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con: Tôi và ông Bùi Viết N xác định vợ chồng có 05 con chung : Bùi Thị P, sinh năm 1978, Bùi Thị Ph, sinh năm 1982, Bùi Viết Hoàng Hải Đ, sinh năm 1985, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1988, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1993. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông Bùi Viết N xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Bùi Viết N xác định không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông N và bà X lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông N và bà X đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông N và bà X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà X là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X xác định vợ chồng có 05 con chung : Bùi Thị P, sinh năm 1978, Bùi Thị Ph, sinh năm 1982, Bùi Viết Hoàng Hải Đ, sinh năm 1985, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1988, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1993. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X đã nộp theo biên lai thu số 0008433 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X.

- Về nuôi con chung: Ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X xác định vợ chồng có 05 con chung : Bùi Thị P, sinh năm 1978, Bùi Thị Ph, sinh năm 1982, Bùi Viết Hoàng Hải Đ, sinh năm 1985, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1988, Bùi Thị Hoàn P, sinh năm 1993. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Bùi Viết N và bà Hoàng Thị X đã nộp theo biên lai thu số 0008433 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

